

Bản án số:71/2021/DS-ST

Ngày: 05/3/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thành Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Lê Thị Hoa– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S ; địa chỉ trụ : Lầu 8, 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức Th ; địa chỉ: Số 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 117/2020/UQ-PGD ngày 19/5/2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L , sinh năm 1984; Địa chỉ: Số M1 (số mới N2) đường Phạm Văn C, Phường M, quận G, TP.Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung của Ngân hàng thương mại cổ phần S và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức Th trình bày:*

Ngày 13/12/2011 ông Nguyễn Văn L có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng). Hợp đồng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do ông L ký ngày 13/12/2011 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 13/01/2012; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 01/6/2010 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 13/7/2012. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông L gồm thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 và thẻ Family Local Credit số 970403-5893 với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng là 2,5%/tháng đối với thẻ Family Local Credit số 970403-5893 và 2,15% đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng vào thời điểm hiện tại. Các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông L đã thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 29.078.000 đồng. Trong đó thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 là 0 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-5893 là 29.078.000 đồng. Sau khi sử dụng thẻ ông L đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 8.627.000 đồng. Trong đó thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 là 0 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-5893 là 8.627.000 đồng. Ông L không tiếp tục thanh toán khoản nợ sử dụng thẻ còn thiếu mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ khoản dư nợ sang nợ quá hạn. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/02/2020 Ngân hàng đã có đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán khoản nợ và lãi vay phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong thời gian chờ Tòa giải quyết ông L đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phí phát sinh của thẻ tín dụng thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219. Đối với thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893, tính đến ngày 05/3/2021 ông L còn nợ Ngân hàng khoản nợ phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ là 151.237.813 đồng, trong đó nợ gốc là 32.393.793 đồng, nợ quá hạn là 118.844.020 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông L trả toàn bộ số nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 06/8/2021 yêu cầu ông L tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán của thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ gốc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Nguyễn Văn L tại địa chỉ số M1 đường Phạm Văn C, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của

bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 14/12/2020 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ phát sinh của thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893 tính đến ngày 05/3/2021 là 151.237.813 đồng, trong đó nợ gốc là 32.393.793 đồng, nợ quá hạn là 118.844.020 đồng và yêu cầu ông L tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 06/3/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 13/12/2011 và bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án. Đối với khoản nợ của thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 472074-8219, ông L đã thanh toán xong nên không còn yêu cầu gì đối với thẻ Visa này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổng đạt văn bản cho đương sự; tiến hành phiên hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử; quyết định đưa vụ án ra xét xử; gửi quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 13/12/2011 của ông Nguyễn Văn L xác định việc ông L ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Sacombank là có thực.

Căn cứ vào các bảng tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp, quá trình sử dụng thẻ ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản nợ đã được chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất áp dụng là 150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn về áp dụng quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng. Ông L được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 17 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông L thanh toán số tiền 151.237.813 đồng phát sinh của thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893, trong đó nợ gốc là 32.393.793 đồng, nợ quá hạn là 118.844.020 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893 là 151.237.813 đồng và thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 tính đến ngày khởi kiện 20/02/2020 là 3.300.364 đồng, theo hợp đồng tín dụng ký ngày 13/12/2011. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 16, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Văn L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Số M1 (số mới N2) đường Phạm Văn C, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng không cư trú tại địa phương. Như vậy, ông L thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông L trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng, việc ông L thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn

tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại Điều a khoản 1 Điều 35, Điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông Long. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông L trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông L là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Theo quy định tại Điều b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/12/2011, loại thẻ Family Local Credit số 970403-5893, tính đến ngày 05/3/2021 là 151.237.813 đồng; Loại thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 tính đến ngày khởi kiện 20/02/2020 là 3.300.364 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do ông L ký ngày 13/12/2011 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 13/01/2012; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 01/6/2010 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 13/7/2012; thông báo lãi suất Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ; bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn L có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng ngày 13/12/2011, đã được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 13/01/2012 và cấp thẻ tín dụng cho ông L gồm thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 và thẻ Family Local Credit số 970403-5893 với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng tại thời điểm hiện tại được công bố đối với khoản nợ sử dụng thẻ của ông L là 2,5%/tháng (áp dụng theo thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family ngày 22/5/2012) và 2,15% (áp dụng theo thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng quốc tế Sacombank ngày 04/7/2011), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố được áp dụng tại thời điểm hiện tại. Các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách*

*hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng nợ theo hợp đồng tín dụng ký ngày 13/12/2011, thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng số tiền ông L thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 29.078.000 đồng. Trong đó thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 là 0 đồng và thẻ Family Local Credit số 970403-5893 là 29.078.000 đồng.*

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông L đã thanh toán cho Ngân hàng đối với thẻ Family Local Credit số 970403-5893 là 8.627.000 đồng và trong thời gian chờ Tòa giải quyết ông L đã thanh toán xong khoản nợ phí phát sinh và tiền lãi của thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219. Do ông L không thanh toán nợ như thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ với ông L theo quy định tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện và chuyển khoản dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 là kể từ ngày 11/02/2013 và đối với thẻ Family Local Credit số 970403-5893 là ngày 21/02/2013, việc chuyển nợ quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ông L không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông L đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 13/11/2011 đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 13/01/2012, các bản điều khoản và điều kiện ; các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định, đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219 khoản nợ tính đến ngày khởi kiện 20/02/2020 là 3.300.364 đồng, ông L đã thanh toán xong, Ngân hàng không còn yêu cầu ông L thanh toán nợ đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-8219. Đối với thẻ Family Local Credit số 970403-5893 ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán khoản nợ thẻ và lãi suất tính đến ngày 05/3/2021 với tổng số tiền 151.237.813 đồng và kể từ ngày 06/3/2021 yêu cầu ông L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 13/11/2011, loại thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, ông Nguyễn Văn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn L thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/3/2021 là 151.237.813 đồng, trong đó nợ gốc là 32.393.793 đồng, nợ lãi quá hạn là 118.844.020 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 13/11/2011, được Ngân hàng phê duyệt ngày 13/01/2012, loại thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/3/2021 ông L phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ 151.237.813 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 7.561.890 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.381.600 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0025802 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/3/2021 là 151.237.813đ (Một trăm năm mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 32.393.793 đồng, tiền lãi quá hạn là 118.844.020 đồng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (Gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do ông L ký ngày 13/12/2011 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 13/01/2012; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 01/6/2010 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 13/7/2012), thẻ tín dụng Family Local Credit số 970403-5893. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/3/2021 ông L phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.561.890 đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi một nghìn tám trăm chín mươi đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.381.600đ (Ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0025802 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời



hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thành Huế**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**Lê Thị Thành Huế**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thành Huế**